TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 98/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 11 - 2018
"*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Hạnh
  Ông Lê Hoàng Phúc

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thái Thoại - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 313/2018/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2018, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 125/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1997; nơi cư trú: Số nhà 100, đường Z30A, thôn H, xã ĐH, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Hiện tạm trú: Số 196, đường Hoàng Diệu, Chung cư H2, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn H, sinh năm 1996; nơi cư trú: Số nhà 100, đường Z30A, thôn H, xã Đông H, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; và bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông H, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận vào năm 2016. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H có quan hệ bất chính với người khác, chị đã nhiều lần khuyên bảo để anh H thay đổi nhưng không có kết quả.

Ngoài ra, trong quá trình chung sống với bố mẹ chồng thì giữa chị với mẹ chồng có nhiều lần xảy ra cải vả là do tính tình không hợp nhau. Do vợ chồng không hạnh phúc nên vào tháng 8/2017 chị bỏ về nhà cha mẹ ruột tại huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình sinh sống cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì giữa anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc gì nhau. Nay, chị xác định không còn tình cảm với anh H và không mong muốn vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị D và anh H có một con tên là Trần Nguyễn Gia P, sinh ngày 22/02/2017. Sau khi ly thân cho đến nay cháu P do chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị D có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện nay chị D làm công nhân điện tử tại Đồng Nai, mỗi tháng chị thu nhập lương bình quân từ 6.000.000 đồng – 7.000.000 đồng. Sau khi trừ các khoản chi phí còn dư khoảng 5.000.000 đồng. Ngoài ra, chị còn bán hàng qua mạng mỗi tháng thu nhập thêm từ 3.000.000 đồng – 4.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản khai lập ngày 10/10/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Việc xác lập quan hệ hôn nhân giống như chị Nguyễn Thị D trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng với thời gian đầu chưa xảy ra mâu thuẫn gì lớn, nhưng về sau mâu thuẫn xảy ra lớn hơn, là do chị D còn trẻ, tính ngang bướng, ăn nói không nghĩ trước sau đối với người lớn như bố mẹ, họ hàng và chị D chưa biết sống đúng của người con dâu trong gia đình. Chị D hay cải vả và ganh tỵ với bố mẹ của anh, chị D còn chửi và đánh anh H nhiều lần, nhưng anh chỉ biết can ngăn và hòa giải mâu thuẫn giữa chị D với gia đình. Mặc dù hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau nhưng vì thương con và muốn giữ hạnh P gia đình, nên chị D yêu cầu ly hôn thì anh H không đồng ý.

Về con chung: Anh H thống nhất như phần trình bày của chị D. Trường hợp chị D cương quyết ly hôn và Tòa án giải quyết ly hôn thì anh H có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện nay anh H làm công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh và thời gian rãnh thì anh chạy xe Grap, với mức thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 15.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục: Thẩm phán thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện các hoạt động tố tụng để giải quyết vụ án đúng theo trình tự, thủ tục quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Trần Văn H mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Tuy anh H không đồng ý ly hôn nhưng xét thấy chị D cương quyết ly hôn. Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận đơn ly hôn của chị D.

Về con chung: Chị D và anh H có một con chung là Trần Nguyễn Gia P, sinh ngày 22/02/2017. Nay, chị D và anh H đều có nguyện vọng được nuôi con và các bên đều không yêu cầu phải cấp dưỡng tiền nuôi con, nhưng thấy rằng từ khi ly thân cho đến nay cháu P do chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay chị D làm công nhân điện tử tại Đồng Nai, mỗi tháng thu nhập lương bình quân từ 6.000.000 đồng – 7.000.000 đồng. Ngoài ra cháu P hiện nay dưới ba mươi sáu tháng tuổi, nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần giao con P cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, nên không phải xem xét. Chị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa xác định được quan hệ cần giải quyết là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị D đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều

238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Văn H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND xã Đông H, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn chị D, anh H chung sống với nhau một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, từ đó không tìm được tiếng nói chung trong việc giải quyết các vấn đề của cuộc sống. Bản thân hai vợ chồng đã tự động viên an ủi nhau thay đổi để chung sống hạnh P, tuy nhiên không có kết quả. Do nhận thấy không còn tình cảm nên chị D đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, quá trình làm việc mặc dù anh H cho rằng vì thương con và muốn giữ hạnh P gia đình nên không đồng ý lý hôn. Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ để các bên quay về chung sống với nhau nhưng chị D vẫn cương quyết ly hôn, nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử công khai.

Hội đồng xét xử thấy: Tình trạng mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh H đã kéo dài. Ngoài ra, anh H cũng thừa nhận vợ chồng anh đã ly thân không còn chung sống với nhau, bản thân chị D hiện nay không còn tình cảm gì với anh H nữa; do đó nếu có tiếp tục chung sống sẽ không tạo dựng được hạnh phúc mà mâu thuẫn sẽ lại càng nghiêm trọng hơn. Từ đó, cần xử cho chị D được ly hôn với anh H là phù hợp với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, và quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị D và anh H có một con Trần Nguyễn Gia P, sinh ngày 22/02/2017. Nay, cả chị D và anh H đều có nguyện vọng nuôi con. Tuy nhiên, xét thấy cháu P hiện nay dưới 36 tháng tuổi. Do đó, cần giao con P cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét trong bản án này.

[3] Về án phí:

Cần buộc chị D phải chịu án phí sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con Trần Nguyễn Gia P, sinh ngày 22/02/2017.

Anh Trần Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Nguyễn Thị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0018649 ngày 26/7/2018 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Đ. Chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí DSST.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông H;
- C.C Thi Hnh án DS huyện Đ;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Qúy